

Số: 2938/BĐVN-VP

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 đã được Hội đồng thành viên phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-BĐVN-HĐTV ngày 05/7 /2019)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018 của Bưu điện Việt Nam như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất Bưu điện Việt Nam năm 2018 đạt: 20.900 tỷ đồng, tăng 26,2% so với thực hiện năm 2017.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 347,9 tỷ đồng, tăng 17,7% so với thực hiện năm 2017.

- Các khoản đã nộp ngân sách nhà nước trong năm 2018: 818,8 tỷ đồng, tăng 40,8% so với thực hiện năm 2017.

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

- Tổng doanh thu: 20.804 tỷ đồng, vượt 2,2% so với kế hoạch Bộ giao, đạt 102,2% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao trong đó:

+ Doanh thu dịch vụ Bưu chính chuyên phát: 7.827 tỷ đồng bằng 94,1% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

+ Doanh thu dịch vụ Tài chính Bưu chính: 2.969 tỷ đồng vượt 2,1% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

+ Doanh thu dịch vụ Phân phối Truyền thông : 9.704 tỷ đồng vượt 8% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 304,9 tỷ đồng, tăng 1,7% so với kế hoạch Bộ và HĐTV giao, tăng 11,6% so với thực hiện năm 2017.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu thực hiện 3,73%, vượt 0,06% so với kế hoạch Bộ giao, tăng 32,7% so với thực hiện năm 2017.

- Số nộp ngân sách nhà nước: 746,6 tỷ, tăng 49,5% so với thực hiện năm 2017.

Kết quả kinh doanh công ty con:

- Tổng doanh thu: 1.699 tỷ đồng, bằng 92,2% so với kế hoạch HĐTV giao, tăng 13,8% so với so với thực hiện năm 2017.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 56,7 tỷ đồng, vượt 2,3% so với kế hoạch HĐTV giao, tăng 7% so với thực hiện năm 2017.

Kết quả thực hiện sản phẩm công ích chủ yếu năm 2018 như sau:

- Sản lượng Dịch vụ Bưu chính công ích: 88,4 triệu cái, đạt 100% so với kế hoạch HĐTV giao.

Nguyên nhân sụt giảm do:

+ Sụt giảm thư thường gửi giữa các cơ quan Sở Ngành do thực hiện chính phủ điện tử (liên tục giảm khoảng 10% qua các năm và giảm liên tục từ năm 2015 đến nay).

+ Sụt giảm thư gửi do chuyển dịch từ gửi thư thông báo giấy sang gửi thư điện tử (chủ yếu do các doanh nghiệp tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động qua việc giảm chi phí chuyển phát, dịch chuyển hình thức gửi các loại thư thông báo, sao kê hàng tháng sang gửi thư điện tử).

+ Sụt giảm thư cá nhân do tỷ lệ người sử dụng internet tại Việt Nam thay đổi theo xu hướng tăng dẫn tới lượng thư gửi cá nhân giảm qua các năm (tỷ lệ này năm 2018 là 54%).

- Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí: 182,3 triệu tờ/cuốn, vượt 3% so với kế hoạch HĐTV giao.

- Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ BCCI:

+ Tổng công ty thực hiện đúng theo các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí do Bộ TTTT ban hành kèm theo thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015.

+ Theo kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ BCCI của Bộ TTTT ngày 18/12/2017 (công văn số 4593/BTTTT-BC), 15/15 các tiêu chí phù hợp với quy định của Quy chuẩn. TCT đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính về việc công khai thông tin liên quan đến công bố hợp quy chất lượng dịch vụ BCCI của doanh nghiệp và về việc tự kiểm tra chất lượng dịch vụ BCCI.

2. Tình hình đầu tư phát triển năm 2018

Kế hoạch đầu tư năm 2018 của Tổng công ty được Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt với tổng kế hoạch vốn đầu tư là 1.231 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư tập trung: 1.110 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân cấp: 92 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư dự phòng: 30 tỷ triệu đồng.

Kế hoạch vốn đầu tư thông báo là 1.082 tỷ đồng, tương ứng với 87,9% kế hoạch vốn đầu tư được phê duyệt.

Giá trị khối lượng thực hiện năm 2018 đạt 720 tỷ đồng, tương ứng 66,6% kế hoạch vốn đã thông báo trong năm 2018.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

- Tổng doanh thu hợp nhất Bưu điện Việt Nam: 25.680 tỷ đồng, tăng 22,9% so với thực hiện năm 2018.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 440,7 tỷ đồng, tăng 26,7% so với thực hiện năm 2018.

Chi tiết kế hoạch của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam:

- Tổng doanh thu công ty mẹ: 25.468 tỷ đồng, tăng 22,4% so với thực hiện năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế: 370,7 tỷ đồng, tăng 21,6% so với thực hiện năm 2018.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 4,53%, tăng 0,88% so với thực hiện năm 2018.

Chỉ tiêu kế hoạch của Công ty con:

- Tổng doanh thu công ty con: 2.565 tỷ đồng, tăng 44,8% so với thực hiện năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế: 62,4 tỷ đồng, tăng 10,1% so với thực hiện năm 2018.

2. Kế hoạch đầu tư 2019

2.1. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

a. Định hướng đầu tư, sửa chữa năm 2019 của Tổng công ty

a.1 Mục tiêu:

- Các dự án triển khai đảm bảo chất lượng, đúng trình tự quy định của Nhà nước. Quy hoạch tổng thể đảm bảo yêu cầu về tổ chức sản xuất, nhận diện thương hiệu. Thực hiện giám sát đảm bảo chất lượng, tiến độ, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh sạch sẽ.

- Đảm bảo sự đồng bộ trong đầu tư nâng cao chất lượng khâu giao dịch, khai thác, chia chọn.

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức sản xuất, hợp tác, kinh doanh và phát triển dịch vụ tại 03 lĩnh vực trụ cột và cung cấp dịch vụ Hành chính công theo định hướng của Tổng công ty.

- Khắc phục tình trạng quá tải và đáp ứng được nhu cầu mặt bằng ở các trung tâm khai thác vùng trong thời gian tới và nhu cầu mặt bằng ở các trung tâm KTVK cấp tỉnh.

- Nâng cao năng lực vận chuyển của Tổng công ty.

- Khắc phục tình trạng xuống cấp của các bưu cục, góp phần bảo vệ tài sản và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng BCCC.

a.2 Về nội dung đầu tư, sửa chữa:

Đối với Tổng công ty:

- Ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm về phát triển hạ tầng CNTT, hạ tầng mạng vận chuyển (đường trục, cấp 1, 2 và thu gom, phát trả), các trung tâm khai thác

vận chuyển cấp vùng và mặt bằng phục vụ Hành chính công.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư tập trung hoặc dự án mua sắm tập trung để trang bị các trang thiết bị, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng khai thác.

Đối với các đơn vị:

- Tiếp tục triển khai chương trình “Cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới các Trung tâm khai thác chia chọn cấp tỉnh”, chương trình “Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các Bưu cục cấp 1, 2, 3” theo đúng định hướng của Tổng công ty: Ưu tiên các dự án cải tạo, nâng cấp các Bưu cục trung tâm tỉnh, thành phố (bưu cục cấp 1), các trung tâm khai thác chia chọn cấp tỉnh, các Bưu cục cấp 2, 3 có vị trí kinh doanh thuận lợi và thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công. Đối với một số đơn vị, tùy đặc điểm tình hình khu vực nông thôn để có thể ưu tiên SCCT các điểm VHX so với BC3 để triển khai kinh doanh.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới điểm phục vụ tại các địa bàn có tiềm năng.

- Các dự án đầu tư thường xuyên khác.

a.3 Về nguồn vốn:

- Nguồn đầu tư: Sử dụng chủ yếu cho các dự án đầu tư về hạ tầng CNTT; phương tiện vận chuyển; các công trình xây mới, nâng cấp, mở rộng bưu cục, trung tâm khai thác chia chọn.

- Nguồn chi phí: Sử dụng chủ yếu cho mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ; sửa chữa bưu cục, điểm BĐ-VHX, các hạng mục nhận diện thương hiệu của các dự án đầu tư xây dựng.

b. Kế hoạch đầu tư năm 2019 của công ty mẹ Bưu điện Việt Nam

Tổng kế hoạch vốn đầu tư đã được phê duyệt: là 1.428 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư tập trung: 1.292 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân cấp: 116 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư dự phòng: 20 tỷ đồng.

2.2. Dự kiến kết quả đầu tư năm 2019:

- Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư thông báo trong năm 2019 khoảng 1.170 tỷ tương ứng đạt 85% tổng kế hoạch vốn đầu tư đã được phê duyệt.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị vận hành ổn định bộ máy kế toán, thực hiện các quy trình quản lý tài chính kế toán, tăng cường các giải pháp quản lý dòng tiền. Xây dựng bài toán giá thành sản phẩm dịch vụ.

- Hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty trong lĩnh vực tài chính kế toán như quy chế quản lý rủi ro, quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục xử lý sắp xếp lại nhà đất theo quyết định 09/QĐ-TTg để báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính theo quy trình hướng dẫn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, đảm bảo an toàn quỹ kết.

- Triển khai áp dụng CNTT trong quản lý TCKT (hóa đơn điện tử, hệ thống báo cáo online, giải pháp kết nối tự động phần mềm KTBD với các phần mềm quản lý TCKT tại giao dịch).

- Hệ thống quản lý tài chính, kế toán được chuẩn hoá và triển khai áp dụng trên toàn mạng lưới. Các chỉ tiêu, cơ chế kế toán, hệ thống báo cáo định kỳ được thống nhất nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành chính xác, nhanh chóng.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết, chỉ đạo đại diện vốn của Tổng công ty trong việc tham gia quản lý, điều hành các doanh nghiệp nhằm mục tiêu bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Tổng công ty.

2. Giải pháp về sản xuất

- Đổi mới căn bản TCSX trên toàn mạng lưới được cụ thể hóa qua các lớp TCSX đang được triển khai trong tháng 3/2019; Tự động hóa trong TCSX (dây truyền KTCC tự động, đầu tư máy móc, thiết bị, CCDC...), tối ưu hóa quy trình để rút ngắn các công đoạn, tăng cường kiểm tra giám sát an ninh tại các khâu trong quá trình TCSX...

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ BCCI, dịch vụ Bru chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. Củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ khách hàng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng, gắn trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả công tác chất lượng của đơn vị.

- Đề xuất giải pháp cải tiến quy định, quy trình dịch vụ nhằm giảm bớt các tác nghiệp, ứng dụng tối đa CNTT phục vụ sản xuất, rút ngắn thời gian toàn trình, công đoạn, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục dành nguồn lực triển khai các dự án xây dựng TTKTVC, cải tạo hệ thống Bru cục, điểm phục vụ, BĐ-VHX đáp ứng yêu cầu kinh doanh và triển khai dịch vụ HCC; Đầu tư máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận chuyển để nâng cao năng lực khai thác, vận chuyển của Tổng công ty.

- Tập trung triển khai hiệu quả công tác đầu tư, xây dựng cơ bản với mục tiêu hiện đại hóa tổ chức sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo đồng bộ, nâng cao chất lượng khai thác vận chuyển, đồng bộ về hình ảnh, thương hiệu trên toàn mạng lưới. Tiếp tục triển khai các dự án cải tạo sửa chữa bu cục, điểm phục vụ, BĐ-VHX, trang bị bàn quày, nhận diện thương hiệu đồng bộ.

3. Giải pháp về marketing

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bán hàng từng dịch vụ đến người lao động một cách linh hoạt. Đa dạng hoá hình thức kênh phân phối dịch vụ, sản phẩm đến khách hàng.

- Quy hoạch lại hệ thống sản phẩm/dịch vụ. Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dịch vụ phù hợp với định hướng, mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách giá cước linh hoạt đủ sức cạnh tranh với đối thủ nhằm cung cấp đa dạng các đối tượng khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu Bru điện Việt Nam.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Quy hoạch lại lực lượng lao động đảm bảo chất lượng lao động phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty, phù hợp theo từng mảng dịch vụ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng lao động, chú trọng các giải pháp, nhiệm vụ trong lĩnh vực lao động tiền lương.

- Hệ thống các công cụ quản lý nhân sự đồng bộ cùng với cơ chế và chính sách khuyến khích đối với từng đối tượng lao động tạo nên một tổng thể hệ thống quản lý nhân sự chuyên nghiệp, hiệu quả.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai phương án chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh, phát triển dịch vụ;

- Tham gia sâu, rộng trong xây dựng chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính theo nhiệm vụ Chính phủ giao là thành viên Ban chỉ đạo, đồng thời chuẩn bị các điều kiện của Tổng công ty để đề xuất xây dựng, mở rộng triển khai thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công, phối hợp xây dựng và vận hành Chính phủ điện tử;

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong điều hành hoạt động SXKD. Hoàn thiện và đưa vào vận hành ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty:

+ Phát triển các ứng dụng phần mềm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh

+ Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực chất lượng: Ứng dụng CNTT trong quản lý chất lượng dịch vụ và tại các công đoạn của quá trình sản xuất.

- Triển khai các dự án trọng điểm (Dự án MPITS, dự án LOS).

6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Rà soát, đổi mới cơ chế kế hoạch, đề xuất cách thức tổ chức, quản lý kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty.

- Tích cực đẩy mạnh, tăng tần suất theo dõi, giám sát định kỳ với công tác kinh doanh, quản lý mạng lưới nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Các chương trình hỗ trợ đơn vị tiếp tục được triển khai để trực tiếp đưa ra giải pháp phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng đơn vị, địa bàn.

- Công tác quản lý kế hoạch tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung, tạo nên cơ chế kế hoạch minh bạch, rõ ràng đến từng cá nhân người lao động, thúc đẩy từng cá nhân, đơn vị phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch.

- Chủ động phân bổ nguồn lực hợp lý và ngay từ đầu năm cho các nhiệm vụ triển khai kinh doanh, đặc biệt là những nhiệm vụ cần tập trung tại từng thời điểm, từng địa bàn. Ban hành và hướng dẫn chi tiết các cơ chế nội bộ, đặc biệt là cơ chế cho người bán hàng đảm bảo dễ hiểu, dễ làm, đủ sức hấp dẫn. Trực tiếp kiểm tra và hướng dẫn đơn vị trong quá trình triển khai.

- Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tại các cấp từ Ban Tổng Giám đốc, các Ban Tổng công ty và tại các đơn vị HTPT.

7. Giải pháp khác

- Thúc đẩy hợp tác và kinh doanh quốc tế.

- Triển khai văn hóa doanh nghiệp Bưu điện Việt Nam trên toàn mạng lưới. Trên cơ sở nội dung lõi văn hóa doanh nghiệp Bưu điện Việt Nam và sổ tay văn hóa doanh nghiệp đã ban hành năm 2018, xây dựng và triển khai các nội dung để giá trị văn hóa doanh nghiệp mới đi vào thực tiễn hoạt động của Tổng công ty.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:		
a)	- Dịch vụ Bưu chính công ích, trong đó:	cái	76.223.000
	Thư cơ bản trong nước	cái	74.497.000
	Thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước	cái	1.033.000
	Thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam	cái	693.000
b)	- Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí, trong đó:	tờ/cuốn	177.635.000
	Báo Nhân dân	tờ/cuốn	65.077.000
	Báo Quân đội Nhân dân	tờ/cuốn	15.091.000
	Báo của Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	tờ/cuốn	95.807.000
	Tạp chí Cộng sản	tờ/cuốn	1.660.000
2	Đảm bảo khả năng sử dụng dịch vụ		
	Bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ		Tối đa 3 km
	Số điểm phục vụ trong một xã		Tối thiểu 1 điểm phục vụ, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số xã
	Thời gian phục vụ tại các bưu cục giao dịch trung tâm tỉnh		Tối thiểu 8 giờ/ngày làm việc, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số bưu cục
	Thời gian phục vụ tại các điểm phục vụ khác		Tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số điểm phục vụ
3	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	25.680,0
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	440,7
5	Nộp ngân sách Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam	Tỷ đồng	833,40
6	Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam	Tỷ đồng	1.170,00
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty mẹ Bưu điện Việt Nam:		
	Nợ phải trả quá hạn		Không có nợ phải trả quá hạn
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn		>1(lớn hơn 1)